

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2026/HC-PT**
Ngày: 27/8/2026
V/v “*kiếu kiện quyết định
hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Trần Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 11/2026/TLPT-HC ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 398/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1974; CCCD số 072074011242;

2. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1976; CCCD số 072176006180;

Cùng địa chỉ: Số A, đường B - Đ, khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Võ Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ: Số C, đường B - Đ, khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2026). (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Phan Tuấn C – Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực T. (vắng mặt).

2/ Ông Trần Ngọc L1 – Phó Trưởng Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường N. (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Đ, khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Lâm Đ; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 05/GUQ-UBND ngày 12/12/2025). (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Trương Uy V; Trưởng Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường N. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày có nội dung:

Vợ chồng ông, bà là người có quyền sử dụng đối với thửa đất hiện trạng số 235 (trích từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 19), diện tích 187,5m², gồm 60m² đất ở đô thị (ONT) và 127,5m² đất trồng cây lâu năm (CLN), đã được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/3/2005, sổ vào sổ cấp GCN: H00231/NT, mã số AC 187549; trên đất có nhà ở, cây trồng và các tài sản khác gắn liền với đất.

Khi Nhà nước thực hiện dự án Khu đô thị M tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Đợt 2), UBND thành phố T ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; kèm theo quyết định này có phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông T, bà L, tương ứng với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.282.665.989 đồng, trong đó bồi thường về đất là 924.014.685 đồng, bồi thường nhà và công trình xây dựng 291.551.304 đồng, bồi thường về cây trồng 360.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống và di dời là 66.740.000 đồng; không bồi thường, không hỗ trợ đối với các tài sản là công trình xây dựng năm 2005 trên diện tích đất nông nghiệp gồm một phần nhà ở diện tích 35,06m², nhà tạm, nhà vệ sinh, mái che và nền xi măng.

Ông T, bà L khiếu nại đối với quyết định nêu trên. Tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố T, về việc giải quyết khiếu nại của ông T, bà L (lần đầu) đã không chấp nhận nội dung khiếu nại và

yêu cầu giải quyết của ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L. Giữ nguyên Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đợt 2).

Ngày 21/01/2026, UBND phường N ban hành Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường N, tỉnh Tây Ninh – Đợt 2) đã phê duyệt điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông T, bà L như sau: Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ sau khi điều chỉnh 1.294.914.989 đồng (tăng 12.249.000 đồng so với phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 21), trong đó điều chỉnh tăng bồi thường nhà, công trình và tài sản trên đất là 9.000 đồng (do nhập sai đơn giá bồi thường đối với giếng khoan), hỗ trợ ổn định đời sống tăng 12.240.000 đồng (do ông T, bà L được hưởng chính sách hỗ trợ 24 tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP), đối với các khoản còn lại giữ nguyên theo phương án đã phê duyệt.

Ông T, bà L cho rằng Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 về phương án bồi thường, hỗ trợ là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà. Theo ông, bà, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố cùng các cơ quan chuyên môn và UBND phường N đã đo đạc, kiểm đếm, thẩm định tài sản không đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất và tài sản trên đất. Cụ thể, gia đình ông, bà quản lý, sử dụng ổn định diện tích 214,7 m² đất nhưng chỉ được bồi thường 187,5 m²; căn nhà có diện tích thực tế 95,06 m² nhưng chỉ được bồi thường 60 m²; ngoài ra các tài sản khác như nhà tạm, cột sắt, mái tole, vách tường gạch, mái che tiền chế và nhà vệ sinh xây gạch men cạnh nhà chính đều không được bồi thường.

Ông T, bà L cho rằng việc xác định diện tích đất được bồi thường không phù hợp với số liệu đo đạc thực tế và không đúng quy định tại khoản 6 Điều 135 Luật Đất đai năm 2024, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, bởi diện tích đất 214,7 m² gia đình ông, bà sử dụng ổn định từ trước đến nay, không tranh chấp với các hộ liền kề nhưng chỉ được tính bồi thường 187,5 m².

Ngoài ra, ông T, bà L cho rằng giá đất được áp dụng theo phương án bồi thường chưa phù hợp với giá đất thị trường, chưa bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư, không phản ánh đúng tình hình thực tế tại địa phương nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà.

Do đó, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố T liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông, bà.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 03/02/2026, người đại diện hợp pháp của ông T, bà L trình bày: người khởi kiện thống nhất với số liệu các tài sản được kiểm đếm theo biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 07/3/2023, nhưng không đồng ý với Quyết định số 21/QĐ-UBND về các nội dung sau:

Thứ nhất, đơn giá bồi thường đất theo phương án bồi thường là không hợp lý; theo người khởi kiện, giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương đối với đất có vị trí tương tự khoảng 300.000.000 đồng/mét ngang, không phân biệt đất ở và đất nông nghiệp.

Thứ hai, mặc dù thống nhất với số liệu tài sản gắn liền với đất đã được kiểm đếm nhưng người khởi kiện không đồng ý với đơn giá bồi thường đối với các tài sản này, vì mức bồi thường theo phương án không đủ để xây dựng lại các công trình có kết cấu tương tự.

Thứ ba, mức hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 12.240.000 đồng (tương ứng 720 kg gạo x 17.000 đồng/kg) theo Quyết định số 21/QĐ-UBND là không bảo đảm để gia đình ông, bà ổn định cuộc sống.

Đối với các nội dung khác của Quyết định số 21/QĐ-UBND, người khởi kiện đồng ý.

Người khởi kiện cam đoan không tiếp tục khiếu nại vụ việc đến bất kỳ cơ quan hoặc người có thẩm quyền nào khác và lựa chọn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Người bị kiện và đại diện người bị kiện trình bày có nội dung:

Ngày 21/01/2025, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Đ).

Ngày 03/6/2025, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 501/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L, với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L, giữ nguyên Quyết định số 21/QĐ-UBND.

Quan điểm của UBND tỉnh T:

Qua xem xét nội dung kháng cáo của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L, hồ sơ vụ án và các quyết định hành chính có liên quan, UBND tỉnh T nhận thấy Quyết

định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Đ) và Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày có nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, người bị kiện không đồng ý, sự việc này cũng đã được Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại lần đầu theo Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 03/6/2025. Theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đã không chấp nhận khiếu nại và yêu cầu của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L, giữ nguyên Quyết định số 21/QĐ-UBND, trong quyết định giải quyết này, cũng đã nêu rõ ràng chi tiết từng căn cứ để ban hành Quyết định số 21 bị khởi kiện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, phía người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Vì vậy đề nghị, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật, xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - tỉnh Tây Ninh đã xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L, về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đợt 2), đối với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2026, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về trình tự thủ tục: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T, bà L yêu cầu hủy một phần Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đợt 2), đối với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của ông T, bà L làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/01/2025 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Đợt 2). Ngày 24/9/2025 ông T, bà L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh yêu cầu hủy quyết định trên là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. [3] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Ngày 24/9/2025, ông T, bà L khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, căn cứ theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, Quyết định số 9467/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh T thì các khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, người bị kiện trong vụ án được xác định là Ủy ban nhân dân tỉnh T. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh T tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh T đồng ý tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại người bị kiện là Ủy ban nhân dân

tỉnh T là có căn cứ, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm với lý do trên. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Về đối tượng khởi kiện: Ông T, bà L khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đợt 2), đối với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L. Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc Hội thì Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ theo khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L thấy rằng:

[6.1] Đối với diện tích đất được bồi thường: Ông T, bà L cho rằng diện tích đất thực tế ông T, bà L quản lý, sử dụng là 214,7 m² nhưng chỉ được bồi thường 187,5 m² là không đúng quy định pháp luật, thấy rằng: Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 07/3/2023 xác định tổng diện tích đất thực tế ông T, bà L đang quản lý, sử dụng là 214,7 m². Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ địa chính, kết quả xác minh nguồn gốc đất và các tài liệu do cơ quan chuyên môn cung cấp thể hiện có 27,2 m² thuộc hành lang lộ giới giao thông, không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai. Do đó, UBND thành phố T xác định diện tích đủ điều kiện được bồi thường đối với ông T, bà L là 187,5 m² là có căn cứ.

[6.2] Đối với giá đất bồi thường: Theo quy định tại Điều 160 Luật Đất đai năm 2024, giá đất làm căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể do Cơ quan có thẩm quyền quyết định. Trong vụ án này, giá đất cụ thể được áp dụng theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của Chủ tịch UBND thành phố T. Giá đất cụ thể này được xây dựng trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 237 ngày 16/9/2024 của Công ty TNHH T1 xác định theo giá đất thị trường, đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo đúng trình tự quy định pháp luật. Ông T, bà L bị thu hồi 187,5 m² đất, gồm 60m² đất ở đô thị và 127,5 m² đất trồng cây lâu năm; vị trí đất tiếp giáp hẻm B đường Đ, thuộc đoạn từ mét thứ 150 đến hết mét thứ 250 tính từ mép đường Đ. Căn cứ tiểu mục 2.2 mục 2 phần A Quyết định số

1338/QĐ-UBND, tổng giá trị bồi thường về đất là 924.014.685 đồng. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định việc áp giá bồi thường trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L liên quan đến nội dung này là có căn cứ.

[6.3] Đối với bồi thường nhà ở, công trình và tài sản gắn liền với đất: Tại Điều 102 Luật Đất đai năm 2024 quy định: Người có nhà ở, công trình phục vụ đời sống bị tháo dỡ hoặc phá dỡ khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Đơn giá bồi thường áp dụng theo Quyết định của UBND tỉnh. Phương án bồi thường đối với nhà ở, vật kiến trúc của ông T, bà L tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-UBND của UBND thành phố T và Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND phường N đã áp dụng theo đúng Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh T quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Đối với các công trình xây dựng trên đất nông nghiệp của ông T và bà L không thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 Điều 9a Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh T về việc sửa đổi, bổ sung quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh T. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L đối với nội dung này là có căn cứ.

[6.4] Đối với hỗ trợ ổn định đời sống: Tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP quy định: Trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 24 tháng; trường hợp di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 36 tháng. Ông T, bà L là cá nhân trực tiếp sử dụng đất, bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và phải di chuyển chỗ ở nên thuộc trường hợp được hỗ trợ trong thời gian 24 tháng. Mặc dù hộ gia đình ông T, bà L có 04 nhân khẩu cùng sinh sống thực tế, tuy nhiên quyền sử dụng đất bị thu hồi được Nhà nước cấp cho cá nhân ông T, bà L, không phải cấp cho “Hộ gia đình sử dụng đất” theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024. Do đó, việc cơ quan có thẩm quyền xác định đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống gồm 02 nhân khẩu là ông T và bà L, từ đó quyết định hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 24.480.000 đồng (được điều chỉnh theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích đánh giá nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L là không có căn cứ nên không chấp nhận như quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên Tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L không được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 349 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T và bà Nguyễn Kim L.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 30, 31, 59, 60, 157, 158, 191, 193, 194, 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 95, 102, 104, 108, 111, 160 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L, về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới tại phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (đợt 2), đối với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010009 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010605 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông T, bà L đã nộp đủ án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh